

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		HST+TGTH1+AMD	7:55	9+3+6	0+0+0		5+4+10	0+0+0	
2		P1+P4	7:55	9+13	0+0		3+19	0+0	
3		TD1+P5	7:55	19+3	0+0		17+5	0+0	
4		RP1+P4	7:55	22+0	0+0		6+16	0+0	
5		BK3+C10	9:55	5+17	0+0		2+20	0+0	
6		BK3+TD3+P7	9:55	4+11+7	0+0+0		0+13+9	0+0+0	chuyen 2 td3- p7
7		P7+P4	9:55	15+7	0+0		2+20	0+0	
8		BK10+P1	11:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
9		P5+P6+TTc1	11:45	22+0+0	0+0+0		11+10+0	0+0+0	chuyen 1 p6- ttc1
10		TD2	12:30	17	0		1	0	
11		AMD+P4	13:50	8+12	0+0+0		8+14	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8614	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG - 1	TO: HST - TGTH1 - AMD	CREW: TRÌNH - NKHÁNH	ETA: 09:45
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/3822	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN MINH DANG	HST	55-56	2	13			75	TLJOC	Vietnamese
2	PHAM TIEN	HST	49-50	2	9			88	TLJOC	Vietnamese
3	HY TAC SANG	HST	53-54	2	16			69	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN LE HONG VU	HST	52	1	6			60	TLJOC	Vietnamese
5	NGUYEN NINH BINH	HST	45	1	7			73	WOGC	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC THƯ	HST	48	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH SONG	HST	51	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN PHẪNG	HST	47	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
9	VÕ TRUNG HIẾU	HST	46	1	7			86	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ QUANG HUÂN	TGTH1	18	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH1	11	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG VIỆT	TGTH1	12	1	13			68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM VAN AN	AMD	549	1	7			66	HLJOC	Vietnamese
14	PHẠM TUÂN HÀ	AMD	547	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ TRUNG KIÊN	AMD	546	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG THẾ HIỂN	AMD	545	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	544	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM ANH NGŨ	AMD	548	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HST	9	649	12	74	0	0	5		
2	TGTH1	3	216	3	30	0	0	3		
3	AMD	6	409	6	35	0	0	10		
TOTAL		18	1.274	21	139	0	0	18		
WEIGHT KG			1.274		139		0			

GRAND TOAL: 1.413 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

TRẦN KHÁNH TRÌNH
NGUYỄN VĂN KHÁNH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P1 - P4	CREW: HÙNG - HTRUNG - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02	VNHS FLIGHT: TM26/3826		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ HUY TÂM	P1	82	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN LÀNH	P1	77	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN THẮNG	P1	84	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỒNG VĂN THỊNH	P1	79	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC HẢI	P1	75-76	2	11	4	60	70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐĂNG QUANG	P1	78	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN LINH	P1	80	1	15			62	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN PHÚC MINH ĐĂNG	P1	81	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
9	VI KHẮC THÀNH	P1	83	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
10	BOROZNA ALENSEI	P1	89	1	10			75	Nipi	Russian
11	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	P4	22	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese
12	PODYMOV DMITRY	P4	40	1	8			139	KH-THAC	Russian
13	TRỊNH VIỆT THẮNG	P4	24	1	11			83	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG NGỌC TRƯỜNG	P4	26	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HOÀNG	P4	21	1	6			86	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG CHƯƠNG	P4	27	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯ TRẦN HUNG	P4	30	1	6	1	19	82	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	28	1	6			54	KH-THAC	Vietnamese
19	LÂM VĂN PHÚC	P4	25	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NGỌC THẮNG	P4	31	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI TIỀN THÀNH	P4	23	1	6	2	26	79	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG KHẮC DU	P4	32-33	2	7			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	10	703	11	83	4	60	3		
2	P4	12	951	13	83	3	45	19		
TOTAL		22	1.654	24	166	7	105	22		
WEIGHT KG			1.654		166		105			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

LÊ QUÝ HÙNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD1 - P5	CREW: DƯƠNG - MTHAO - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/3830	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	12	1	2	4	70	64	KHOAN	Vietnamese
2	ZHARIKOV V. A.	TD1	07	1	12			71	KHOAN	Russian
3	LÊ QUỐC BẢO	TD1	67	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
4	MAI VĂN HỘI	TD1	14	1	2			74	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG ANH TUẤN	TD1	17	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ANH	TD1	20-21	2	16			83	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DANG KHOA	TD1	18-19	2	9			66	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD1	13	1	3			83	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	66	1	6			92	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ XUÂN TRƯỜNG	TD1	02	1	12			65	ANTOAN	Vietnamese
11	PHAN VĂN CHUNG	TD1	04	1	15	1	6	82	ANTOAN	Vietnamese
12	TRẦN MINH HOÀNG	TD1	09-10	2	20			75	KHOAN	Vietnamese
13	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	08	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM HOÀNG MINH TRÍ	TD1	05-06	2	15			75	DVL	Vietnamese
15	ĐỖ PHI LONG	TD1	68	1	9			69	DVL	Vietnamese
16	LÃ VĂN NAM	TD1	15-16	2	13			79	DVL	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TÌNH	TD1	11	1	3			89	PSV	Vietnamese
18	ĐẬU VIỆT BẮC	TD1	03	1	4			78	PSV	Vietnamese
19	HOÀNG NGỌC KHÁNH	TD1	01	1	3			74	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P5	15	1	11	1	11	77	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM MINH TOÀN	P5	14	1	8			60	YTE	Vietnamese
22	LÂM TUẤN KHẢI	P5	16-17	2	11			60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	19	1.430	24	158	5	76	17		
2	P5	3	197	4	30	1	11	5		
TOTAL		22	1.627	28	188	6	87	22		
WEIGHT KG			1.627		188		87			

GRAND TOAL: 1.902 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: RP1 - P4	CREW: NAM - N.CƯƠNG - TÚ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/3833	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN THẾ VĂN	RP1	66	1	8			78	XAYLAP	Vietnamese
2	HÀ XUÂN BÌNH	RP1	59-60	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ HOÀNG SƠN	RP1	01	1	12			76	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN QUỐC	RP1	657-658	2	14			70	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM HOÀI NAM	RP1	24	1	7			83	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TRÍ	RP1	52	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN MAI	RP1	06	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
8	MẠI VĂN TRẦN MINH QUÂN	RP1	91	1	15			61	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ GIA LONG	RP1	92	1	11			76	XAYLAP	Vietnamese
10	MAI HUY SƠN	RP1	89-90	2	10			65	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN THÀNH	RP1	64-65	2	18			73	XAYLAP	Vietnamese
12	CÙ CHÍ CÔNG	RP1	61	1	15	2	11	68	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN THẾ NGUYỄN	RP1	09-10	2	11			75	XAYLAP	Vietnamese
14	HÀ VĂN TRƯỜNG	RP1	53	1	12			57	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN THUẬN	RP1	57	1	13			66	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN KIM SƠN	RP1	54	1	10			58	XAYLAP	Vietnamese
17	BÙI VĂN HỘI	RP1	07-08	2	15			71	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC DANH	RP1	02-03	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
19	TRƯƠNG VĂN BÁ	RP1	04-05	2	15			71	XAYLAP	Vietnamese
20	HÀ QUỐC VINH	RP1	23	1	6			73	PSV	Vietnamese
21	ĐỒNG ĐỨC TRUNG	RP1	87-88	2	10			71	NHATHAU	Vietnamese
22	HOÀNG VĂN LUÂN	RP1	55-56	2	9			88	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	22	1.548	32	273	2	11	6		
2	P4	0	0	0	0	01	07	16		
TOTAL		22	1.548	32	273	3	18	22		
WEIGHT KG			1.548		273		18			

GRAND TOAL: 1.832 KGS + 7kg

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM

PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 09:50
B.CARD: TÍM-2	TO: BK3 - CLO	CREW: HUNG - HTRUNG - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/3827	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN QUANG MINH	BK3	38	1	13			96	XAYLAP	Vietnamese
2	HUỶNH PHƯƠNG HÙNG	BK3	39-40	2	20	3	55	77	XAYLAP	Vietnamese
3	KIỀU HẢI DƯƠNG	BK3	36	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY GIANG	BK3	41,46	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐOÀN	BK3	37	1	16			63	XAYLAP	Vietnamese
6	VOROBYEV SERGEY	CLO	48	1	5			95	KHOAN	Russian
7	DATSKO PAVEL	CLO	51	1	12			116	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	49	1	11			69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HUY THÁI	CLO						76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	40	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN HỮU SƠN	CLO	42	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LỰC	CLO	43	1	7			61	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	50	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN BÙI QUANG	CLO	47	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN TUẤN	CLO	39	1	3			71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIỀN	CLO	52	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
17	VĂN ĐÌNH QUANG	CLO	53-54	2	10			64	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	CLO	45	1	11			80	KHOAN	Vietnamese
19	ĐOÀN HIẾU	CLO	46	1	12			75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HÀM HÀ	CLO	44	1	5			62	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY ĐỒNG	CLO	38	1	2			68	PSV	Vietnamese
22	NGÔ THẾ ANH	CLO	41	1	5			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	5	368	7	79	3	55	2		
2	CLO	17	1.239	17	109	0	0	20		
TOTAL		22	1.607	24	188	3	55	22		
WEIGHT KG			1.607		188		55			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: BK3 - TD3 - P7	CREW: DƯƠNG - MTHAO - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/3831	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	BK3	05-06	2	20			80	XAYLAP	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN SƠN	BK3	03-04	2	18			69	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐIỀU VĂN THÔNG	BK3	09-10	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN VINH	BK3	07-08	2	19			71	XAYLAP	Vietnamese
5	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	TD3	75	1	4	1	20	66	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÌNH SONG HẢI	TD3	66-67	2	8			60	YTE	Vietnamese
7	CHÂU ĐÌNH TƯ	TD3	65	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
8	TỔNG XUÂN SINH	TD3	70	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HUYỀN	TD3	74	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC VĨNH	TD3	64	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG NAM HẢI	TD3	73	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TAM THỦY	TD3	68	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO HỮU PHƯỚC	TD3	71-72	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC LƯƠNG	TD3	69	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LOAN	TD3	76	1	4			49	PETROSETCO	Vietnamese
16	BÙI THẾ DIỄN	P7	40	1	5	3	47	70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HOÀI THANH	P7	42	1	5			62	YTE	Vietnamese
18	LƯƠNG VĂN THÀNH	P7	45	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH PHONG	P7	43-44	2	13			75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN ANH ĐỨC	P7	39	1	11			94	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI CÔNG LAN	P7						61	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TUẤN MINH	P7	41	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	4	285	8	76	0	0	0		
2	TD3	11	754	13	62	1	20	13+2		CHUYEN 2 PAX TD3-P7
3	P7	7	501	7	41	3	47	9		
TOTAL		22	1.540	28	179	4	67	22		
WEIGHT KG			1.540		179		67			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 10:00
B.CARD: VÀNG-2	TO: P7 - P4	CREW: NAM - N.CƯƠNG - TÚ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/3834	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRINH VAN PHUONG	P7						80	KH-THAC	Vietnamese
2	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	17	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
3	LUU NGUYỄN QUỐC HUY	P7						100	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HOÀNG PHỤNG	P7	30	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	P7	18-19	2	19			81	XAYLAP	Vietnamese
6	TRINH HỮU HIẾU	P7	31	1	14			74	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM ANH QUÂN	P7	20-21	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
8	VÕ VĂN SƠN	P7	25-26	2	19			49	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN ĐÔNG	P7	32-33	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ XUÂN TIẾN	P7	23-24	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
11	VÕ HOÀNG TIẾN	P7	16	1	17	2	27	80	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH NGÂN	P7	35	1	15			70	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN VIỆT	P7	14-15	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐÀO TUÂN CHỮ	P7						66	PSV	Vietnamese
15	LÊ VĂN QUYỀN	P7	22	1	6			60	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN CỬ	P4				2	40	57	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THÀNH HẢI	P4	43	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THUONG	P4	45	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
19	LÂM XUÂN HẢI	P4	44	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HÙNG BÂY	P4	49	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HẢI	P4	42	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THÀNH NAM	P4	46	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	15	1.055	18	178	2	27	2		
2	P4	7	488	6	30	2	40	20		
TOTAL		22	1.543	24	208	4	67	22		
WEIGHT KG			1.543		208		67			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

TRẦN HỒNG NAM
PHAN NHƯ CƯƠNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK10 - P1	CREW: TTRUNG - VTHANG - MUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/3828	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN TRỌNG SƠN	BK10	69	1	12			85	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN NGỌC THƯỜNG	BK10	68	1	12			82	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG NGỌC LAN	BK10	67	1	12			79	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN LUẬN	P1	48	1	10	2	40	63	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG HOÀNG HIẾU	P1	52	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
6	K' LING	P1	46	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ HỮU CHUNG	P1	47	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM MẠNH HÙNG	P1	58	1	10			95	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	53	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHÂN	P1	54-55	2	11			132	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	56	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	P1	49	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P1	42	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ MINH HIẾU	P1	57	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN HẢO	P1	51	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUANG TIẾN	P1	43	1	2			59	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CHÂU NAM	P1	50	1	8			90	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN TÌNH	P1	44-45	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	P1	39	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN DUY AN	P1	37-38	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	P1	40-41	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN NAM ĐỊNH	P1	35-36	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	3	246	3	36	0	0	0		
2	P1	19	1.384	24	180	2	40	22		
TOTAL		22	1.630	27	216	2	40	22		
WEIGHT KG			1.630		216		40			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG

NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO: P5 - P6 - TTC1	CREW: DƯƠNG - SON - VŨ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 09	VNHS FLIGHT: TM26/3832		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM NGỌC SON	P5	88	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN TIẾN HIỆP	P5	87	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐÌNH TỬ	P5	89	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	96	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VIỆT LONG	P5	92	1	12			119	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC LAI	P5	97-98	2	6			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THỂ HẠNH	P5	52	1	14			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUÝ TÀI	P5	4000	1	13			59	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN DUY LONG	P5	50-51	2	18			60	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG NGỌC TÂN	P5	90-91	2	20			64	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ HỮU THẮNG	P5	53-54	2	13			81	DK9	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NAM	P5	857-858	2	13			84	CODIEN	Vietnamese
13	LÊ NGỌC ANH	P5	93	1	10	3	27	78	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC KHOA	P5	85-86	2	18			90	CODIEN	Vietnamese
15	CAO MINH CƯỜNG	P5	74,72	2	20			85	XAYLAP	Vietnamese
16	NGÔ ANH QUỐC	P5	67	1	14			66	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN TUẤN ANH	P5	95	1	12	1	12	67	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ QUỐC VƯƠNG	P5	68-69	2	15			74	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐOÀN ANH PHƯƠNG	P5	70-71	2	14			65	PSV	Vietnamese
20	ĐINH VĂN LŨU	P5	99	1	5			54	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TRÍ PHƯỚC	P5	852	1	9	1	19	69	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	21	1.543	30	247	5	58	11		
2	P6	0	0	0	0	0	0	10 ¹ / ₇		CHUYEN 1 PAX P6-TTC1
3	TTC1	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	1.543	30	247	5	58	21		
WEIGHT KG			1.543		247		58			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8620	ETD: 12:30
B.CARD: TRANG-3	TO: TD2	CREW: HOÀI - TSON	ETA: 15:40
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/3825	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG THẾ HIỂN	TD2	27-28	2	15			63	VAM	Vietnamese
2	TRẦN QUYẾT TIẾN	TD2	33	1	6	2	24	66	PV GAS	Vietnamese
3	NGUYỄN TUẤN BÌNH	TD2	34-35	2	9	1	10	63	PV GAS	Vietnamese
4	LÂM VĂN HẠNH	TD2	96	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐÌNH PHƯƠNG	TD2	92	1	15			77	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG VŨ HẢI	TD2	93-94	2	9			65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH CHUÔNG	TD2	95	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THÀNH LUÂN	TD2	32	1	10	1	22	55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐẠI KHOA	TD2	36	1	16			68	KH-THAC	Vietnamese
10	TẠ HỒNG QUÂN	TD2	31	1	14			71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	TD2	91	1	13			67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM LÊ TUẤN ANH	TD2	29-30	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI NGỌC ANH	TD2	99	1	7			67	PHATECO	Vietnamese
14	VŨ MINH TRUNG	TD2	97	1	6			60	PHATECO	Vietnamese
15	LÊ VĂN SƠN	TD2	24	1	5			75	PHATECO	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH VÂN	TD2	98	1	11			67	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ CHÍ THANH	TD2	25-26	2	20			75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	17	1.139	22	180	4	56	1		
TOTAL		17	1.139	22	180	4	56	1		
WEIGHT KG			1.139		180		56			

GRAND TOAL: 1.375 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

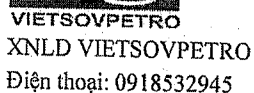
VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

PHẠM NGỌC HOÀI
TRẦN LAM SƠN





: TĐ02-VT

HÀNH KHÁCH:

HÀNG HÒA:

Ghi chú:

Người lập:

Đại diện gián:

Phi công trưởng:

Nguyễn Văn Hùng

Tổng cộng	0	0
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	3	218
Hành lý	3	30
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	6	248

Manifest fan vë për!

7. Ad 1. Bas



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 21/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 14:30
B.CARD: XANH-4	TO: AMD - P4	CREW: TTRUNG - VTHẮNG - MQUÂN	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/3829	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÝ VINH THÁI	AMD	59	1	10			84	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	56-57	2	20			71	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	55	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	58	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THẾ LONG	AMD	50-51	2	9			75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	53-54	2	14			69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT LÂM	AMD	60	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	52	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HÀ	P4	76	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU THÀNH	P4	18	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
11	HUỶNH BẢ NINH	P4	50	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN HIỆU	P4	51	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO ĐỨC TRƯỜNG	P4	43,79	2	21			57	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG ĐÌNH VINH	P4	77-78	2	21			65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HIỀN ĐĂNG	P4	15	1	15			78	XAYLAP	Vietnamese
16	NGHIÊM TRÌNH NHẬT	P4	16-17	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN MINH	P4	04	1	9	1	17	60	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	80-81	2	13			69	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	02-03	2	17			84	PSV	Vietnamese
20	BÙI ĐỨC KHÁNH	P4	52	1	6			52	PSV	Vietnamese
21	HOANG THE ANH	P4	53	1	13			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	8	580	11	89	0	0	8		
2	P4	13	864	18	157	1	17	14		
TOTAL		21	1.444	29	246	1	17	22		
WEIGHT KG			1.444		246		17			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG
NGÔ VĂN THẮNG